

Tận dụng EVFTA để tiến vào thị trường EU

Những lưu ý với doanh nghiệp

Hội thảo ngày 17/06/2020



Nguyễn Thị Thu Trang
Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Nội dung cơ bản



EU – Thị trường “khó tính”, đầy tiềm năng và đang thay đổi



EVFTA – Cơ hội và Thách thức hiện thực hóa cơ hội



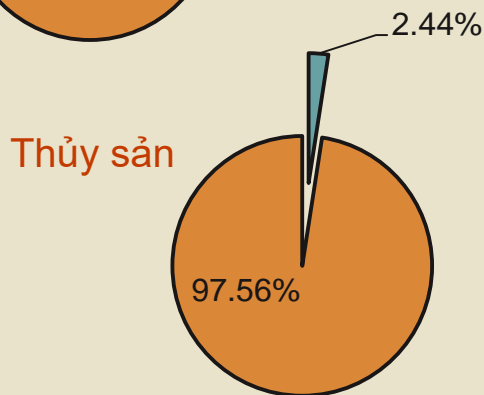
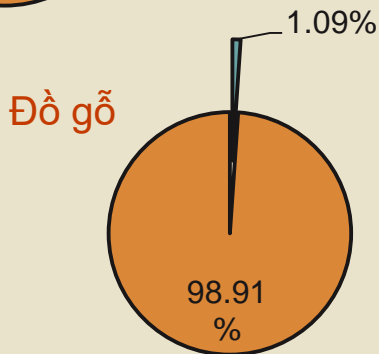
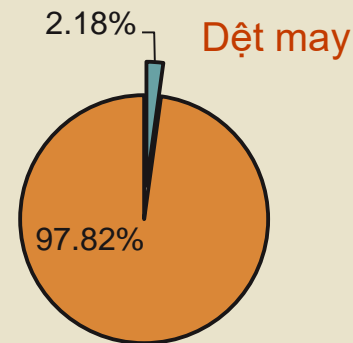
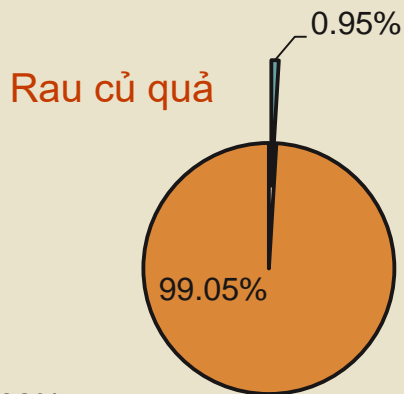
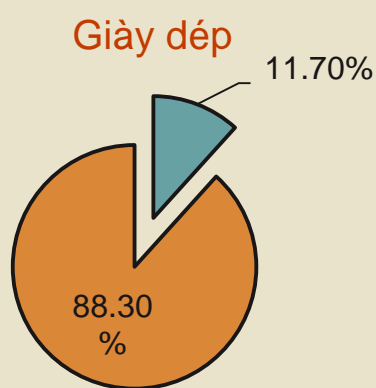
EU – Thị trường “Khó tính” Đầy tiềm năng và Sẽ-thay-đổi



EU – Thị trường đầy tiềm năng

Số liệu về tỷ trọng VN trong nhập khẩu của EU(27) năm 2019

Nguồn: Trademap



■ Từ Việt Nam
■ Từ nước khác

EU – Thị trường “khó tính”

Nhà nước “khó tính”

Hàng rào kỹ thuật chất lượng (TBT)

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng
- Yêu cầu về môi trường (IUU, VPA/FLEGT)
- Yêu cầu ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc,...

Hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật (SPS)

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
- Dư lượng kháng sinh
- HACCP, GMP, SSOP...



EU – Thị trường “khó tính”

Người tiêu dùng “khó tính”

1. Môi trường: ISO 9001/2008, FSC FM/COC, BSCI, SA 8000
2. An toàn thực phẩm: GlobalGAP, ASC, BAP, BRC...
3. Tiêu chuẩn, điều kiện lao động
4. Các giá trị văn hóa – đạo đức – nhân văn
5. Gu thẩm mỹ
6. Thói quen tiêu dùng



EU – Thị trường sẽ-thay-đổi²

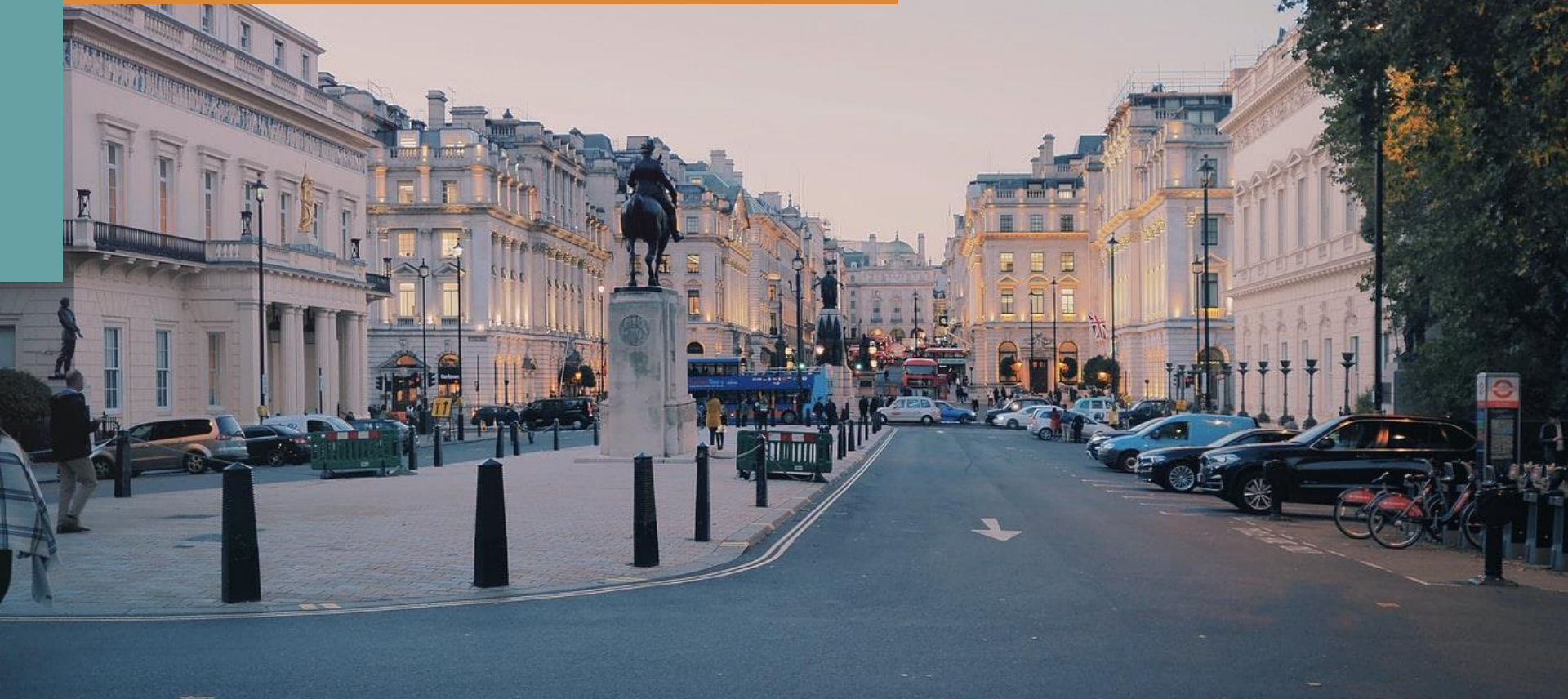
Dưới tác động của Covid



- Tổng cầu: trước mắt - yếu, lâu dài - phục hồi chậm
- Cầu theo cơ cấu hàng hóa: sản phẩm nào là cần thiết?

- Các tiêu chí kiểm soát hàng hóa có thể thay đổi
- Các phương thức quản lý hàng hóa có thể thay đổi
- Tiêu chí lựa chọn của người tiêu dùng có thể thay đổi



EVFTA – Cơ hội và Thách thức hiện thực hóa cơ hội

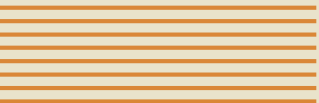


Cơ hội thuế quan – Thách thức QTXX






Cơ hội ưu đãi thuế quan

Mặt hàng	Cam kết ưu đãi thuế quan của EU cho VN
<p>Thủy sản</p> 	<p>Xóa bỏ ngay khoảng 50% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực</p> <p>50% số dòng thuế còn lại được xóa bỏ sau 3 - 5 - 7 năm.</p> <p>Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên áp dụng hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn/năm và 500 tấn/năm.</p>
<p>Gạo</p> 	<p>Áp dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan, lượng nhập khẩu trong hạn ngạch được hưởng mức thuế 0%.</p> <p>Tổng hạn ngạch là 80.000 tấn/năm, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Gạo chưa xay xát</i>: lượng hạn ngạch là 20.000 tấn/năm - <i>Gạo xay xát</i>: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn/năm - <i>Gạo thơm</i>: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn/năm <p>Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tấm sau 5 năm, và các sản phẩm từ gạo sau 3-5 năm.</p>
<p>Cà phê, rau quả tươi-chế biến, nước hoa quả</p>	<p>Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực</p>
<p>Một số sản phẩm áp dụng hạn ngạch thuế quan</p>	<p>Trứng gia cầm đã qua chế biến: 500 tấn/năm</p> <p>Tỏi: 400 tấn/năm</p> <p>Ngô ngọt (trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm): 5.000 tấn/năm</p> <p>Tinh bột sắn: 30.000 tấn/năm</p> <p>Nấm: 350 tấn/năm</p>



Cơ hội ưu đãi thuế quan

Mặt hàng	Cam kết ưu đãi thuế quan của EU cho VN
Dệt may 	42,5% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực (chủ yếu là nguyên liệu dệt may)
	Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3 -5-7 năm.
Giày dép 	37% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3-5-7 năm.
Gỗ và sản phẩm gỗ 	Khoảng 83% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Khoảng 17% còn lại (gồm ván dăm, ván sợi và gỗ dán,...) sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3 - 5 năm.
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	74% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực.
	Các sản phẩm còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3 - 5 năm
Nhựa	Loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực
Túi xách, vali, mũ, ô..	Loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực

Thuế ưu đãi EVFTA vs. GSP

Về mức thuế

- Đối với sản phẩm được EU loại bỏ thuế ngay trong EVFTA: GSP kém hơn EVFTA
- Đối với sản phẩm EU chỉ loại bỏ thuế theo lộ trình: GSP có thể tốt hơn EVFTA (trong giai đoạn đầu lộ trình)



- Từ 1/8/2020-31/7/2020: DN có thể lựa chọn GSP (quy tắc xuất xứ GSP) hoặc EVFTA (quy tắc xuất xứ EVFTA)
- Từ 1/8/2020 trở đi: DN có thể lựa chọn thuế GSP hoặc EVFTA nhưng phải áp dụng quy tắc xuất xứ EVFTA

Về thời gian áp dụng

Thách thức Quy tắc xuất xứ



Trường hợp 1: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy



Trường hợp 2: Hàng hóa có một phần nguyên liệu không xuất xứ

- **Tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa (HS):** Mã HS của thành phẩm phải khác mã HS của nguyên liệu không có xuất xứ ở cấp 2 số (chuyển đổi Chương), 4 số (chuyển đổi Nhóm), hoặc 6 số (Chuyển đổi Phân nhóm)
- **Tiêu chí tỷ lệ tối đa không xuất xứ (VL):** Giới hạn tỷ lệ tối đa nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất, gia công - Hàm lượng nguyên liệu có xuất xứ (RVC) phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu nhất định.
- **Tiêu chí Quy trình sản xuất cụ thể:** nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua một quá trình gia công hoặc chế biến cụ thể; hoặc sản phẩm phải được gia công, chế biến từ nguyên vật liệu có xuất xứ thuần túy nhất định

Mã HS	Mô tả	Công đoạn gia công hoặc chế biến
Chương 7	Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	Tất cả nguyên liệu thuộc Chương 7 được sử dụng trong quá trình sản xuất có xuất xứ thuần túy
Chương 8	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	Trong quá trình sản xuất: - tất cả các loại quả, quả hạch và vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa thuộc Chương 8 được sử dụng có xuất xứ thuần túy; và - trọng lượng đường được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng
Chương 9	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	Sử dụng nguyên vật liệu từ bất kỳ nhóm nào để sản xuất
Chương 11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	Tất cả nguyên liệu thuộc Chương 10 và 11, các nhóm 0701, 071410 và 2303, và phân nhóm 071010 được sử dụng trong quá trình sản xuất có xuất xứ thuần túy
Chương 18	Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	Sử dụng nguyên vật liệu từ bất kỳ nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ cùng nhóm của sản phẩm, trong đó: - trọng lượng đơn lẻ của đường và nguyên liệu thuộc Chương 4 được sử dụng không vượt quá 40% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; và - tổng trọng lượng đường và nguyên liệu thuộc Chương 4 được sử dụng không vượt quá 60% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng
Chương 19	Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	Sử dụng nguyên vật liệu từ bất kỳ nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ cùng nhóm của sản phẩm, trong đó: - trọng lượng của tất cả các nguyên liệu thuộc Chương 2, 3 và 16 được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; - trọng lượng nguyên liệu của các nhóm từ 1006 và 1101 đến 1108 được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; - trọng lượng nguyên liệu thuộc Chương 4 được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; - trọng lượng đường được sử dụng không vượt quá 40% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; và - tổng trọng lượng đường và nguyên liệu thuộc Chương 4 được sử dụng không vượt quá 50% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng

Mã HS	Mô tả	Công đoạn gia công hoặc chế biến
ex Chương 62	Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc; ngoại trừ:	Dệt vải đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt); hoặc đã may trước bằng công đoạn in đi kèm với ít nhất hai công đoạn chuẩn bị hoặc hoàn thiện sản phẩm (như giặt, tẩy trắng, làm bóng, định hình bằng nhiệt, cào bông, cán vải, công đoạn chống co ngót, hoàn thiện không phục hồi, hấp xóp vải, ngâm tẩm, vá sữa và kiểm tra phân loại), với điều kiện giá trị của vải chưa in được sử dụng không vượt quá 47,5 % giá xuất xưởng của sản phẩm.
ex 6202, ex 6204, ex 6206, ex 6209 và ex 6211	quần áo cho phụ nữ, trẻ em gái và trẻ em và phụ kiện may mặc cho trẻ em, đã thêu;	Dệt vải đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt); hoặc sản xuất từ vải chưa thêu, với điều kiện giá trị của phần vải chưa thêu được sử dụng không vượt quá 40% giá xuất xưởng của sản phẩm
ex 6210 và ex 6216	thiết bị chống cháy làm từ vải được phủ một lớp lá từ polyeste phủ nhôm;	Dệt vải đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt); hoặc tráng vải, với điều kiện giá trị của phần vải chưa tráng được sử dụng không vượt quá 40% giá xuất xưởng của sản phẩm, đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt)
6213 và 6214	khăn tay và khăn vuông nhỏ quàng cổ, khăn san, khăn choàng vai, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu và choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự:	
	- đã thêu; và	Dệt vải đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt); sản xuất từ vải chưa thêu, với điều kiện giá trị của phần vải chưa thêu được sử dụng không vượt quá 40% giá xuất xưởng của sản phẩm ⁵ ; hoặc Đã may trước bằng công đoạn in đi kèm với ít nhất hai công đoạn chuẩn bị hoặc hoàn thiện sản phẩm (như giặt, tẩy trắng, làm bóng, định hình bằng nhiệt, cào bông, cán vải, công đoạn chống co ngót, hoàn thiện không phục hồi, hấp xóp vải, ngâm tẩm, vá sữa và kiểm tra phân loại), với điều kiện giá trị của vải chưa in được sử dụng không vượt quá 47,5 % giá xuất xưởng của sản phẩm
	- loại khác; và	Dệt vải đi kèm với công đoạn may (bao gồm cả công đoạn cắt); hoặc đã may trước bằng công đoạn in đi kèm với ít nhất hai công đoạn chuẩn bị hoặc hoàn thiện sản phẩm (như giặt, tẩy trắng, làm bóng, định hình bằng nhiệt, cào bông, cán vải, công đoạn chống co ngót, hoàn thiện không phục hồi, hấp xóp vải, ngâm tẩm, vá sữa và kiểm tra phân loại), với điều kiện giá trị của vải chưa in được sử dụng không vượt quá 47,5 % giá xuất xưởng của sản phẩm.



Cơ hội TBT-SPS – Thách thức đáp ứng

Cơ hội thuận lợi hóa TBT-SPS

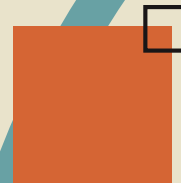


Chung

- Nhấn mạnh nghĩa vụ WTO
- Tăng tính tham vấn, minh bạch, căn cứ quốc tế trong ban hành và thực thi các TBT, SPS

Cụ thể

- Tăng tính linh hoạt về ghi nhãn hàng hóa (TBT)
- Tạo thuận lợi cho việc công nhận DN được quyền NK một số sản phẩm có nguồn gốc động vật vào EU (SPS)
- Các biện pháp SPS khẩn cấp hoặc theo khu vực



Thách thức về khả năng đáp ứng TBT-SPS

EVFTA sẽ



- **KHÔNG** can thiệp vào quyền ban hành và thực thi TBT, SPS của EU
- **KHÔNG** giảm bớt mức độ khắt khe của bất kỳ TBT, SPS nào của EU
- **KHÔNG** giúp loại bỏ bớt bất kỳ TBT, SPS nào đang có của EU

Do đó

Doanh nghiệp sẽ vẫn phải



- Tìm hiểu các TBT, SPS của EU liên quan tới sản phẩm của mình:
<https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>
- Điều chỉnh chuỗi sản xuất để đáp ứng TBT, SPS liên quan (nguồn nguyên liệu, quy trình sản xuất)


<https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>



TRADE HELPDESK

European Commission / Trade / EU Trade Helpdesk / Home page

The European Market ▾ Requirements ▾ Import Duties ▾ Internal taxes ▾ Rules of Origin ▾ Statistics Help ▾



Brexit*

The United Kingdom withdrew from the European Union and is a third country as of 1 February 2020. During the transition period, which ends on 31 December 2020, Union law, with a few limited exceptions, continues to be applicable to and in the United Kingdom.

I want to export to the EU

I want to export from:

To an EU Member State:

Product code: ⓘ

[Learn more about our partner countries](#)
[Find my product code](#)

[View rates and requirements](#)

Your guide to the EU market's import rules and taxes

The European Union (EU) is the world's largest single market and the EU Trade Helpdesk is your one-stop-shop to access it. The EU is committed to helping exporters like you in its trade partner countries with the information you need to:

- Make the most of the trade agreements we have put in place;
- Bring your products onto the EU market.

[Read more...](#)

⊖	Furniture; bedding, mattresses, mattress supports, cushions and similar stuffed furnishings; lamps and lighting fittings, not elsewhere specified or included; illuminated signs, illuminated nameplates and the like; prefabricated buildings	94		
⊕	Seats (other than those of heading 9402), whether or not convertible into beds, and parts thereof	94	01	
⊕	Medical, surgical, dental or veterinary furniture (for example, operating tables, examination tables, hospital beds with mechanical fittings, dentists' chairs); barbers' chairs and similar chairs, having rotating as well as both reclining and elevating movements; parts of the foregoing articles	94	02	
⊖	Other furniture and parts thereof	94	03	
⊖	Wooden furniture of a kind used in offices	94	03	30 00 00
⊖	Not exceeding 80 cm in height			
	Desks	94	03	30 11 00
⊕	Mattress supports; articles of bedding and similar furnishing (for example, mattresses, quilts, eiderdowns, cushions, pouffes and pillows) fitted with springs or stuffed or internally fitted with any material or of cellular rubber or plastics, whether or not covered	94	04	
⊕	Lamps and lighting fittings including searchlights and spotlights and parts thereof, not elsewhere specified or included; illuminated signs, illuminated nameplates and the like, having a permanently fixed light source, and parts thereof not elsewhere specified or included	94	05	
⊕	Prefabricated buildings	94	06	

Import Procedures	Product requirements	EU Import duties	Internal taxes	Statistics	Show all
-------------------	-----------------------------	------------------	----------------	------------	----------

Product-specific requirements for EU market access 9403301100

- > General product safety
- > Control on illegal timber and timber products
- > CITES - Endangered Species Protection
- > Voluntary - EU Ecolabel for furniture

Xin cảm ơn!



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

